| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2018/KDTM-PT
Ngày 29/3/2018
*V/V: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản và BTTH về tài sản".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Phạm Thị Minh Hiền.
*Các thẩm phán:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.
Ông Nguyễn Gia Lương
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang***: Ông Hoàng Đức Trình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/3/2017 tại trụ sở TAND tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 03/2016/TLPT – KDTM ngày 04/10/2016 về " Tranh chấp Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản và BTTH về tài sản".

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2016/KDTM-ST ngày 11/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐ - PT ngày 15/01/2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2018/QĐ-PT ngày 25/01/2018 giữa các đương sự:

**+ Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP C Việt Nam.
Địa chỉ: số A, phố T, Quận H, TP. Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền:
1, Bà Dương Thị N- Chức vụ: Giám đốc- Ngân hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang- (Vắng mặt);
2, Ông Thân Văn H1- Chức vụ: Phó Giám đốc- Ngân hàng TMCP C Việt Nam -Chi nhánh Bắc Giang- (Vắng mặt);
3, Ông Vũ Văn H2- Chức vụ: Phó Giám đốc- Ngân hàng TMCP C Việt Nam -Chi nhánh Bắc Giang- (Vắng mặt);
4, Ông Lưu Tuấn Tr- Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp- Ngân hàng TMCP C Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang - (Vắng mặt);
5, Bà Nguyễn Thị H- Cán bộ phòng Tổng hợp- Ngân hàng TMCP C Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang- (Có mặt).

+ **Bị đơn**: Chị Vũ Thị Vân K- sinh năm: 1981- (Vắng mặt ủy quyền cho ông Vũ Quốc Đ)
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1-Ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1950 –(Bố chị K- vắng mặt);
2-Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1952- (Vợ ông Đ- vắng mặt)
Cùng trú tại: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

## NHẬN THẤY

**Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C Việt Nam** do bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày: Chị Vũ Thị Vân K đã ký Hợp đồng tín dụng số 0045-047-04/HĐTD ngày 13/12/2012 với Ngân hàng TMCP C Việt Nam chi nhánh Bắc Giang để vay số tiền 420.000.000đ. Mục đích vay để kinh doanh hàng bánh kẹo, thực phẩm công nghệ. Thời hạn vay là 06 tháng.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay của chị K tại Ngân hàng, ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch là bố mẹ chị K đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ ngày 29/02/2012 với Ngân hàng; Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thửa số 480 tờ bản đồ số 02, diện tích 154m$^2$ tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trên đất; Đất ở đã được UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 057271 cho ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch.

Trong quá trình sử dụng tiền vay, chị K đã trả cho Ngân hàng được 148.000.000đ nhưng chị K không thực hiện đúng cam kết theo Hợp đồng tín dụng đã ghi về việc phải thanh toán tiền lãi và gốc khi đến hạn. Tính đến ngày 10/8/2016 chị K còn nợ Ngân hàng số tiền 436.604.043đ (trong đó số tiền gốc là 272.000.000đ và số tiền lãi là 164.064.043đ).

Nay, Ngân hàng yêu cầu chị K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/8/2016 là 436.604.043đ.

Trường hợp chị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ.

Phía ông Đ có yêu cầu độc lập đề nghị Ngân hàng bồi thường thiệt hại số tiền là 239.707.000đ với lý do Ngân hàng C đã giữ Giấy chứng nhận QSDĐ của vợ chồng ông Đ từ tháng 12/2012 đến nay dẫn đến ông Đ không thể cho người khác thuê diện tích đất trên thì Ngân hàng không đồng ý vì tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp tài sản đã quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên cụ thể là: " Chủ sở hữu tài sản được quyền khai thác công dụng, hoa lợi, lợi tức từ tài sản; được cho thuê, cho mượn tài sản nếu được Ngân hàng chấp thuận". Từ khi vợ chồng ông Đ ký Hợp đồng thế chấp đến nay thì Ngân hàng chưa nhận được bất cứ 1 đề nghị nào của ông Vũ Quốc Đ về việc ông Đ dùng tài sản thế chấp của Ngân hàng để cho người khác thuê. Trên thực tế thì tài sản thế chấp là vẫn được gia đình ông Đ sử dụng để ở và làm cửa hàng kinh doanh và thu lợi.

Năm 2013, Ngân hàng đã khởi kiện chị K về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Ngày 13/12/2013, Tòa án nhân dân thành phố B đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2013/QĐST-KDTM nhưng sau đó ông Đ và bà Ch khiếu nại. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa sơ thẩm đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang hủy theo trình tự giám đốc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 5.047.000đ của Ngân hàng đã được Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B hoàn trả theo Biên lai thu tiền số AA/2010/002849 ngày 07/10/2013.

*** Bị đơn là chị Vũ Thị Vân K trình bày**: Ngày 13/12/2012 chị và Ngân hàng C đã ký Hợp đồng tín dụng số 0045-047-04/HĐTD. Chị thừa nhận có nợ tiền gốc và tiền lãi của Ngân hàng theo như Ngân hàng đã nêu. Chị đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng do điều kiện kinh tế của chị hiện nay đang gặp khó khăn nên chị đề nghị được trả nợ dần tiền gốc; Về tiền lãi chị đề nghị Ngân hàng miễn giảm cho chị.

Đối với số tiền án phí sơ thẩm là 5.361.000đ mà chị phải thi hành theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2013/QĐST-KDTM ngày 13/12/2013 thì chị cũng đã nộp cho Chi cục thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**

**1-Ông Vũ Quốc Đ trình bày**: Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất của vợ chồng ông do chị K không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông không đồng ý vì Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ được lập ngày 29/02/2012 giữa vợ chồng ông với Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh Bắc Giang được bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 0034-041-04/HĐTD ngày 02/3/2012 giữa chị K và Ngân hàng mà Hợp đồng tín dụng số 0034-041-04/HĐTD ngày 02/3/2012 cũng đã được thực hiện xong.

Còn Hợp đồng tín dụng số 0045-047-04/HĐTD ngày 13/12/2012 ký kết giữa chị K và Ngân hàng thì vợ chồng ông không liên quan.

Ông yêu cầu Ngân hàng C phải bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền thiệt hại là 239.707.000đ. Lý do của việc ông yêu cầu Ngân hàng bồi thường gồm các khoản tiền như sau:

+ Công ty Cổ phần Quản lý Công trình Đ tỉnh Bắc Giang (Công ty) đã ký kết Hợp đồng xây dựng kênh mương với UBND xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Kết thúc Hợp đồng nhưng UBND xã B không trả tiền cho Công ty. Năm 2013- 2014, ông là người đại diện cho Công ty Cổ phần Quản lý Công trình Đô thị Bắc Giang (Công ty) khởi kiện đòi tiền của UBND xã B tại Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/7/2014 thì UBND xã B phải trả cho Công ty 129.926.000đ cả tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng xây dựng kênh mương. Trong quá trình xét xử tại Tòa án thì Ngân hàng C đã thúc ép Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện V kê biên tài sản thế chấp của gia đình ông để thi hành án (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2013/QĐST-KDTM ngày 13/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B về việc Ngân hàng kiện Hợp đồng tín dụng đối với chị Nguyễn Thị Vân K -con gái ông). Ngày 6/11/2014 Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện V đã có thông báo số 42/TB-THA về việc cưỡng chế thi hành án và Quyết định Cưỡng chế kê biên xử lý tài sản đối với vợ chồng ông. Vì có Quyết định cưỡng chế thi hành án nên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện V (giải quyết tranh chấp giữa Công ty và UBND xã B) nên ông đại diện cho Công ty đã không yêu cầu tiền lãi đối với UBND xã B mà chỉ yêu cầu UBND xã B, huyện V chỉ phải trả tiền gốc cho Công ty là 60.119.000đ. Bản án sơ thẩm số 06/2014/DSST ngày 11/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện V và bản án phúc thẩm số 92/2014/DSPT ngày 8/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã buộcUBND xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang chỉ phải trả cho Công ty số tiền gốc là 60.119.000đ. Số tiền lãi bị thiệt hại của Công ty là 69.119.000đ thì ông đề nghị Ngân hàng phải trả cho ông do Ngân hàng thúc ép Cơ quan Thi hành án cưỡng chế tài sản sai đối tượng.

+ Do Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận QSDĐ của vợ chồng ông từ tháng 12/2012 đến nay là 23 tháng nên ông không thể cho người khác thuê nhà và đất nên ông đã bị thiệt hại số tiền thuê nhà là 5.000.000đ/1tháng x 23 tháng= 165.000.000đ, số tiền này đề nghị Ngân hàng phải trả cho ông.

**2-Bà Nguyễn Thị Ch trình bày:** Bà là vợ ông Đ, bà nhất trí với quan điểm và yêu cầu của ông Đ, bà không có ý kiến gì thêm.

Do có nội dung trên, bản án số số 06/2016/KDTM-ST ngày 11/8/2016 của Toà án nhân dân thành phố B đã áp dụng các Điều 30; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273- Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điểm b khoản 3 Điều 159- Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004. Các Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 478- Bộ luật Dân sự. Điều 95- Luật các Tổ chức Tín dụng. Pháp lệnh Án phí lệ phí Tòa án xử:

1. Buộc chị Vũ Thị Vân K phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam (do bà Nguyễn Thị Hảo đại diện) tổng số tiền tính đến ngày 10/8/2016 là 436.064.043đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng) (trong đó tiền gốc là 272.000.000đ và tiền lãi là 164.064.043đ) theo Hợp đồng tín dụng 0045-047-04/HĐTD ngày 13/12/2012.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất như trong Hợp đồng tín dụng 0045-047-04/HĐTD ngày 13/12/2012 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 480, tờ bản đồ số 02, có diện tích 154 $m^2$ tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BI 057271 ngày 30/12/2011 cho ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ ngày 29/02/2012 trong trường hợp chị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 239.707.000đ của ông Vũ Quốc Đ đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam.

4. Về án phí KDTMST:

- Chị Vũ Thị Vân K phải nộp 21.442.500đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ số tiền chị K đã thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V là 5.361.000đ (cụ thể: số tiền 3.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007624 ngày 02/6/2014 và số tiền 2.361.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007580 ngày 12/6/2014). Chị Vân K còn phải nộp tiếp16.081.500đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.361.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2010/002849 ngày 07/10/2013 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Hoàn trả ông Vũ Quốc Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.992.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0001575 ngày 28/10/2015 tại Chi cục Thi hành án

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 23/8/2016, Ngân hàng TMCP C Việt Nam nộp đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về việc bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu của Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp của vợ chồng ông Đ trong trường hợp chị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 24/8/2016, chị Vũ Thị Vân K và ông Vũ Quốc Đ kháng cáo không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm đã xử

Tại phiên toà phúc thẩm, Ngân hàng Th- ơng mại Cổ phần C Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; Chị Vũ Thị Vân K và ông Vũ Quốc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đ- ơng sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 02/3/2012, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam chi nhánh Bắc Giang ký hợp đồng tín dụng với chị Vũ Thị Vân K số 0034-041-04/HĐTD. Để đảm bảo cho việc vay tiền của chị K tại Ngân hàng, ngày 29/02/2012, vợ chồng ông Đ và Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh Bắc Giang đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thửa số 480 tờ bản đồ số 02, diện tích 154m$^2$ tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trên đất; Đất ở đã được UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 057271 cho ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch.

Tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp đã quy định về nghĩa vụ được đảm bảo cụ thể là: "Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên thế chấp cho bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay vốn là bà Vũ Thị Vân K (khách hàng vay) tại bên A theo các văn bản, hợp đồng đã ký giữa khách hàng vay và bên A bao gồm:

a/*Các văn bản, hợp đồng đã ký*: Không;

b/ *Các văn bản, Hợp đồng cấp tín dụng mà khách hàng vay và Bên A sẽ ký kết trong tương lai sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực:* Hợp đồng tín dụng số 0034-041-04/HĐTD được ký kết giữa bên A và khách hàng vay.

Ngày 12/12/2012, chị K đã thực hiện tất toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 0034-041-04/HĐTD ngày 02/03/2012.

Do Hộ kinh doanh chị Vũ Thị Vân K tiếp tục có nhu cầu sử dụng vốn vay của Ngân hàng C để kinh doanh. Bởi vậy, ngày 13/12/2012 hai bên tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số: 0045-047-04/HĐTD ngày 13/12/2012. Theo hợp đồng tín dụng này thì chị K đã vay của Ngân hàng số tiền 420.000.000đ, thời hạn vay là 6 tháng. Mục đích vay tiền để chị K kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm. Địa điểm kinh doanh tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng này cũng quy định: Tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay của chị K là Quyền sử dụng đất số 480, tờ bản đồ số 02, diện tích sử dụng154m$^2$, căn cứ giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang (đã ký kết tại HĐBĐ số: 0032-041-04/HĐBĐ ngày 29/02/2012).

Tính đến nay thì chị K mới trả được cho Ngân hàng 148.000.000 đồng tiền gốc và mới trả được 1 phần tiền lãi cho Ngân hàng đến (trả lãi đến hết tháng 5/2013).

Do chị K vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng về tiền nợ gốc và tiền lãi nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu chị K phải trả tiền cho Ngân hàng từ năm 2013.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm năm 2013, ông Đ là bố của chị K đã đồng ý trả nợ Ngân hàng thay cho chị Vân K. Việc ông Đ đồng ý trả nợ cho chị K được thể hiện qua các văn bản cụ thể như: Biên bản hòa giải

thành; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08 ngày 13/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B; Biên bản làm việc tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang về việc thi hành án Dân sự theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08 ngày 13/12/2013.

Nay Ngân hàng không đồng ý với kháng cáo của chị K về việc không đồng ý trả tiền lãi cho Ngân hàng; Ngân hàng không đồng ý với kháng cáo của ông Đ về việc yêu cầu Ngân hàng phải bồi thường cho ông Đ số tiền thiệt hại và trả cho vợ chồng ông Đ giấy chứng nhận QSDĐ. Ngân hàng còn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc cho rằng Hợp đồng thế chấp tài sản của vợ chồng ông Đ không có giá trị pháp luật để thi hành. Trường hợp bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất mang tên ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để thu hồi nợ vì lý do: HĐ thế chấp tài sản giữa ông Đ và Ngân hàng đảm bảo cho chị K vay tiền tại Ngân hàng theo HĐ tín dụng đã ký ngày 02/3/2012 và các HĐ tín dụng mà chị K đã ký vay tiền của Ngân hàng sau thời điểm ngày 02/3/2012.

* Tại phần thủ tục phiên tòa ông Vũ Quốc Đ có mặt và trình bày: Ông đề nghị xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Trước khi mở phiên tòa ông đã có đơn gửi chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa, ông cũng đã nhận được Quyết định không chấp nhận việc xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa do ông Thân Quốc Hùng là phó chánh án ký thay chánh án. Nay ông đề nghị hoãn phiên tòa để ông thực hiện việc khiếu nại tiếp theo vì ông không đồng ý với Quyết định không chấp nhận việc xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa này.

Sau khi ông Đ có yêu cầu đề nghị hoãn phiên tòa thì ông Đ đã tự ý bỏ về.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:**

-Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của đương sự tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do ông Đ đề nghị hoãn phiên tòa để ông Đ đợi kết quả giải quyết khiếu nại của chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đối với Quyết định không chấp nhận việc xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 304 BLTTDS tạm ngừng phiên tòa.

## XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. đối với việc ông Đ đề nghị hoãn phiên tòa ngày 29/3/2018, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa ngày 25/01/2018, ông Đ vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và vụ án được ấn định xét xử vào ngày 09/3/2018.

Tại phiên tòa ngày 09/3/2018, ông Đ có đơn xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử đã không chấp nhận yêu cầu này của ông Đ do các lý do xin thay đổi thẩm phán của ông Đ không đúng quy định tại khoản 2 Điều 56

BLTTDS. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng trước đó ông Đ đã có đơn đề nghị xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa gửi chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nhưng chưa được chánh án Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa để đợi kết quả giải quyết của chánh án đối với ông Đ, vụ án được ấn định xét xử vào ngày 29/3/2018.

Tại phiên tòa ngày 29/3/2018, ông Đ lại đề nghị xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa nhưng cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì các lý do xin thay đổi thẩm phán của ông Đ không đúng quy định tại khoản 2 Điều 56 BLTTDS.

Trước khi mở phiên tòa ông Đ đã có đơn gửi chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa, ông Đ cũng đã nhận được Quyết định không chấp nhận việc xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa do ông Thân Quốc Hùng là phó chánh án ký thay chánh án. Việc ông Hùng là phó chánh án ký thay chánh án giải quyết việc xin thay đổi thẩm phán của ông Độ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 BLTTDS.

Nay, ông Đ đề nghị hoãn phiên tòa để ông Đ thực hiện việc khiếu nại tiếp theo vì ông Đ không đồng ý với Quyết định không chấp nhận việc xin thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa của chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các căn cứ xin hoãn phiên tòa của ông Đ không phải thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa với lý do "người kháng cáo gặp sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan" được quy định tại khoản 3 Điều 296 BLTTDS. Do vậy, đề nghị hoãn phiên tòa của ông Đ không được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và tiếp tục xét xử vụ án.

1.2. Về việc ông Đ đã tự ý bỏ về không tham dự phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo khoản 3 Điều 296 BLTTDS quy định: Người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người đó.

Theo khoản 2 Điều 312 BLTTDs thì người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 BLTTDS thì Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do chị Vũ Thị Vân K và ông Vũ Quốc Đ là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị K và ông Đ.

Các Quyết định của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29/3/2018 gồm:

-Quyết định về việc chị Vũ Thị Vân K phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 10/8/2016 là 436.064.043đ;

-Quyết định Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 239.707.000đ của ông Vũ Quốc Đ đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam;

-Án phí KDTMST.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Vũ Thị Vân K có Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 2018003602 do UBND huyện V cấp ngày 16/2/2012. Địa điểm kinh doanh: Thôn Nghĩa Vũ, xã Nghĩa Trung, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hàng tạp hóa, văn phòng phẩm, hóa mỹ phẩm….Chị Vũ Thị Vân K là con gái của ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch.

Do chị K có nhu cầu vay tiền của Ngân hàng để kinh doanh tại nhà của bố mẹ ( ông Đ, bà Ch) nên ngày 29/02/2012 ông Đ và bà Ch đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam chi nhánh Bắc Giang (Ngân hàng) để bảo đảm cho nghĩa vụ của chị Vân K tại Ngân hàng. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thửa số 480 tờ bản đồ số 02, diện tích 154m$^2$ tại thôn Nghĩa Vũ, xã Nghĩa Trung, huyện V, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trên đất; Đất ở đã được UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 057271 cho ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch, (BL 42).

Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Văn phòng Công chứng Xương Giang cùng ngày 29/2/2012 và được đăng ký thế chấp QSDĐ và tài sản tại Văn phòng đăng ký QSDĐ huyện V ngày 1/3/2012; Giấy chứng nhận QSDĐ của ông Đ và bà Ch đã được chỉnh lý trang 4 và nêu rõ: "Thế chấp bằng QSDĐ tại Ngân hàng theo HS số 000002 ngày 1/3/2012 (BL 50-56).

Ngày 02/3/2012, chị K và Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 0034-041-04/HĐTD, (BL 94). Theo giấy nhận nợ ngày 02/3/2012 thì chị K vay của Ngân hàng 500.000.000đ, (BL 93). Thời hạn vay theo Hợp đồng là 9 tháng.

Tại Điều 8 của Hợp đồng tín dụng nêu trên đã quy định về bảo đảm tiền vay như sau: "Thế chấp tài sản của bên thứ 3 là quyền sử dụng đất tại thửa số 480 tờ bản đồ số 02, diện tích 154m$^2$, căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 057271 do UBND huyện V cấp ngày 30/12/2011 và toàn bộ tài sản trên đất. Chi tiết việc thế chấp được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ ngày 29/2/2012".

Theo các Giấy nộp tiền do ông Đ xuất trình cho Tòa án thể hiện:

Từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2012, chị K đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 58.942.511đ, (BL 594-602).

Ngày 1/12/2012, chị K đã trả cho Ngân hàng 82.000.000đ, (BL 592);

Ngày 12/12/2012, chị K đã trả cho Ngân hàng 421.800.556đ, (BL 593).

Phía đại diện cho Ngân hàng và ông Đ đại diện theo ủy quyền của chị K đều thừa nhận chị K đã trả xong toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 0034-041-04/HĐTD, ngày 02/3/2012.

Do chị K vẫn có nhu cầu vay vốn của Ngân hàng. Ngày 13/12/2012, chị K và Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 0045-047-04/HĐTD. Theo giấy nhận nợ ngày 13/12/2012 thì chị K vay của Ngân hàng 420.000.000đ. Mục đích vay của chị Khách là để kinh doanh hàng bánh kẹo, thực phẩm công nghệ. Thời hạn vay là 06 tháng. Lãi suất...Cùng ngày 13/12/2012, chị K đã nhận số tiền 420.000.000đ, (BL 323, 30).

Tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng này đã quy định về Bảo đảm tiền vay như sau: "Thế chấp tài sản của bên thứ 3. Chi tiết việc thế chấp tài sản được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ ngày 29/2/2012 giữa bên A và ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch".

Trong quá trình sử dụng tiền vay, chị K đã trả không thực hiện đúng cam kết về thời hạn trả nợ cho Ngân hàng.

Năm 2013, Ngân hàng đã khởi kiện đòi tiền Vũ Thị Vân K theo Hợp đồng tín dụng này tại Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2013/QĐST-KDTM ngày 13/12/2013.

Sau khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực thì chị K, ông Đ, bà Ch có đơn kiếu nại đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc giang.

Ngày 10/4/2015, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Quyết định kháng nghị số 02/2015/KN-DS.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2015/QĐ-UBTP ngày 22/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sự số 08/2013/QĐST-KDTM ngày 13/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B để giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Nay, Ngân hàng khởi kiện lại và đại diện cho Ngân hàng đã trình bầy: Chị K mới trả cho Ngân hàng được 148.000.000đ. Tính đến ngày 10/8/2016 chị K còn nợ Ngân hàng số tiền 436.604.043đ (trong đó số tiền gốc là 272.000.000đ và số tiền lãi là 164.064.043đ).

Ngân hàng yêu cầu chị K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/8/2016 là 436.604.043đ.

Trường hợp chị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ.

Bản án sơ thẩm đã xét xử buộc chị Vũ Thị Vân K phải trả cho Ngân hàng là số tiền gốc và tiền lãi là 436.064.043đ; không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 480, tờ bản đồ số 02, có diện tích 154 $m^2$ tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang của ông Đ và bà Ch.

Ngân hàng nộp đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xử về việc bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 480, tờ bản đồ số 02, có diện tích 154 $m^2$ tại thôn Nghĩa Vũ, xã Nghĩa Trung, huyện V, tỉnh Bắc Giang của ông Đ và bà Ch theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ ngày 29/02/2012 trong trường hợp chị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản giữa vợ chồng ông Đ và Ngân hàng đã quy định về nghĩa vụ được đảm bảo cụ thể là: "Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên thế chấp cho bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay vốn là bà Vũ Thị Vân K (khách hàng vay) tại bên A theo các văn bản, Hợp đồng đã ký giữa khách hàng vay và bên A bao gồm:

a/*Các văn bản, hợp đồng đã ký*: Không;

b/ *Các văn bản, Hợp đồng cấp tín dụng mà khách hàng vay và Bên A sẽ ký kết trong tương lai sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực:* Hợp đồng tín dụng số 0034-041-04/HĐTD được ký kết giữa bên A và khách hàng vay.

Ngân hàng còn cho rằng việc đề nghị Tòa án phát mại tài sản thể chấp của vợ chồng ông Đ là đúng quy định của pháp luật vì Hợp đồng thế chấp tài sản này

có giá trị pháp lý đối với tất cả các Hợp đồng tín dụng mà chị Vân K đã, đang và sẽ ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng.

Như vậy, chị K đã thanh toán xong tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng đối với Hợp đồng tín dụng 0034-041-04/HĐTD, ngày 02/3/2012. Do chị K vẫn có nhu cầu vay tiền của Ngân hàng nên đến ngày 13/12/2012, chị K và Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 0045-047-04/HĐTD. Mặc dù giữa Ngân hàng và ông Đ không ký lại Hợp đồng thế chấp tài sản nhưng tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ, ngày 29/02/2012 giữa vợ chồng ông Đ và Ngân hàng đã được viện dẫn ở trên thì phải xác định: Các tài sản thế chấp của ông Đ và bà Ch được ghi trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ, ngày 29/02/2012 vẫn được đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của chị K đối với Hợp đồng tín dụng số 0045-047-04/HĐTD, ngày 13/12/2012.

Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là không đúng và không đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng sửa bản án sơ thẩm về việc: Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa ông Đ, bà Ch với Ngân hàng trong trường hợp chị K không trả được nợ cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 296; khoản 3 Điều 312 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Vũ Thị Vân K và ông Vũ Quốc Đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam sửa 1 phần bản án sơ thẩm đã xử.

Áp dụng các Điều 30; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273- BLTTDS năm 2015. điểm b khoản 3 Điều 159- BLTTDS năm 2004. Các Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 478- BLDS. Điều 95- Luật các Tổ chức tín dụng. Pháp lệnh Án phí lệ phí Tòa án xử:

1. Buộc chị Vũ Thị Vân K phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 10/8/2016 là 436.064.043đ *(*Bốn trăm ba mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng) (trong đó tiền gốc là 272.000.000 đồng và tiền lãi là 164.064.043đ) theo Hợp đồng tín dụng 0045-047-04/HĐTD ngày 13/12/2012.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất như trong hợp đồng tín dụng 0045-047-04/HĐTD ngày 13/12/2012 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

2. Trường hợp chị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0032-041-04/HĐBĐ ngày 29/02/2012; Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thửa số 480 tờ bản đồ số 02, diện tích 154m$^2$ tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản trên đất; Đất ở đã được UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 057271 cho ông Vũ Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Ch.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 239.707.000 đồng của ông Vũ Quốc Đ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam.

4. Về án phí KDTMST:

- Chị Vũ Thị Vân K phải nộp 21.442.500đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ số tiền chị K đã thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V là 5.361.000đ (cụ thể: số tiền 3.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007624 ngày 02/6/2014 và 2.361.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007580 ngày 12/6/2014). Chị Vân K còn phải nộp tiếp16.081.500đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.361.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2010/002849 ngày 07/10/2013 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Hoàn trả ông Vũ Quốc Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.992.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0001575 ngày 28/10/2015 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Về án phí KDTMPT:

- Chị Vũ Thị Vân K phải nộp 200.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo 200.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2010/003439 ngày 29/8/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị K đã nộp đủ tiền án phí KDTMPT.

- Ông Vũ Quốc Đ phải nộp 200.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo 200.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2010/003438 ngày 29/8/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận ông Đ đã nộp đủ tiền án phí KDTMPT.

- Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam số tiền tạm ứng án phí kháng cáo 200.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2010/003441 ngày 29/8/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THAD thành phố B;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
**(Đã ký)**

**Phạm Thị Minh Hiền**